

VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ KHMER TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY TIẾNG MẸ ĐỂ NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP THÀNH PHỐ TRÀ VINH

Thạch Thị Dân¹

KHMER WOMEN IN THE CONSERVATION AND DEVELOPMENT OF MOTHER LANGUAGE – A CASE STUDY IN TRA VINH CITY

Thach Thi Dan¹

Tóm tắt – Phụ nữ Khmer giữ những vị trí, vai trò nhất định trong đời sống và các sinh hoạt văn hóa, xã hội của người Khmer Nam Bộ. Khi tham gia vai trò về giới, họ có sức ảnh hưởng rất quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ của chính dân tộc mình. Trong bài viết này, tác giả đã tiến hành điều tra, khảo sát, phân tích thực trạng sử dụng tiếng mẹ đẻ của phụ nữ Khmer ở Thành phố Trà Vinh. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao vai trò của phụ nữ Khmer trong việc bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ trong thời gian tới.

Từ khóa: phụ nữ Khmer, người Khmer Nam Bộ, tiếng mẹ đẻ, Thành phố Trà Vinh.

Abstract – Khmer women always play the certain positions and roles in life and cultural, social activities of Southern Khmer. Regarding the role of gender, they have strong influence on preserving and promoting the mother language of their own ethnic minority. In this paper, the researcher has investigated, surveyed and analyzed the situation of using the mother tongue of Khmer women in Tra Vinh City. From that basis, the study proposes some solutions toward promoting the role of Khmer women in preserving and

promoting their mother tongue in the coming time.

Keywords: Khmer women, Southern Khmer, mother language, Tra Vinh city.

I. MỞ ĐẦU

Dân tộc Khmer có một hệ thống ngôn ngữ riêng. Việc sử dụng tiếng mẹ đẻ không chỉ thể hiện thái độ ngôn ngữ của mỗi người mà còn góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử của dân tộc. Trong cộng đồng người Khmer, người phụ nữ có vai trò quan trọng trong việc lựa chọn, truyền dạy ngôn ngữ dân tộc cho các thế hệ sau. Thông qua ngôn ngữ dân tộc, người phụ nữ làm khơi dậy lòng tự hào dân tộc của các thành viên trong gia đình cũng như trong cộng đồng về phong tục, truyền thống tốt đẹp. Tuy nhiên, hiện nay nhiều nhân tố như định kiến giới, khả năng tiếp cận thông tin, sự giúp đỡ của người thân, trình độ học vấn, đã tác động không nhỏ đến ý thức sử dụng tiếng mẹ đẻ trong các gia đình người Khmer ở Trà Vinh. Khảo sát các hộ gia đình dân tộc Khmer tại Thành phố Trà Vinh cho thấy mức độ sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày của cộng đồng Khmer đang giảm đi, có đến 50% hộ gia đình mà các thành viên không thể giao tiếp với nhau bằng tiếng mẹ đẻ. Khi tiếp xúc với các thành viên, đặc biệt người phụ nữ trong gia đình, chúng tôi nhận thấy họ chưa ý thức đầy đủ tầm quan trọng của việc sử dụng tiếng mẹ đẻ đối với các con trong gia đình. Họ có xu hướng để trẻ lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ

¹Trường Đại học Trà Vinh

Ngày nhận bài: 27/9/2018; Ngày nhận kết quả bình duyệt: 09/7/2019; Ngày chấp nhận đăng: 15/7/2019

Email: thachthidan@tvu.edu.vn

¹Tra Vinh University

Received date: 27th September 2018 ; Revised date: 09th July 2019; Accepted date: 15th July 2019

một cách tự nhiên, không bắt buộc. Họ chưa giải thích cho các con về tầm quan trọng của việc sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hằng ngày. Vậy, làm thế nào để phát huy vai trò của người phụ nữ Khmer trong công tác bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ? Xuất phát từ câu hỏi đó, đề tài “Vai trò của người phụ nữ Khmer trong bảo tồn và phát huy ngôn ngữ dân tộc - tiếng mẹ đẻ (nghiên cứu trường hợp tại Thành phố Trà Vinh)” được thực hiện. Mục tiêu của bài viết là phân tích thực trạng sử dụng tiếng mẹ đẻ và các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng tiếng mẹ đẻ của phụ nữ Khmer trên địa bàn Thành phố Trà Vinh; phân tích vai trò, trách nhiệm của người phụ nữ Khmer trên địa bàn Thành phố Trà Vinh trong việc bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ. Từ đó, chúng tôi đề xuất các giải pháp nâng cao vai trò của người phụ nữ Khmer trong việc bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ trong cộng đồng người Khmer.

Ở Việt Nam, người phụ nữ luôn giữ một vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Vai trò đó đã được ghi nhận và khẳng định ở nhiều công trình nghiên cứu thuộc nhiều lĩnh vực nhau như trong quá trình công nghiệp hóa nông thôn [1], trong phát triển cộng đồng [2], trong gia đình Việt Nam [3]... Riêng các nghiên cứu về ngôn ngữ Khmer Nam Bộ cũng đã được thể hiện trong nhiều bài viết, chuyên luận, luận văn, luận án. Các nghiên cứu thường tập trung vào các vấn đề như đặc điểm tiếng Khmer, sự khác biệt tiếng Khmer Sóc Trăng và tiếng Khmer ở Trà Vinh [4], sự tiếp xúc ngôn ngữ giữa tiếng Khmer với tiếng Việt [5], [6], thái độ ngôn ngữ của người Khmer [7], tình hình sử dụng tiếng Khmer trong giao tiếp, chính sách ngôn ngữ ở cộng đồng Khmer Nam Bộ [8]... Các nghiên cứu trên đã phân tích sâu sắc về tiếng mẹ đẻ, vai trò của tiếng mẹ đẻ trong bản sắc văn hóa dân tộc. Đây là những cơ sở quan trọng để đề tài có thể kế thừa và phát huy. Tuy nhiên, trong các công trình trên, việc nhấn mạnh vai trò của người phụ nữ trong bảo tồn tiếng mẹ đẻ chính dân tộc mình, trong đó có người Khmer còn khá khiêm tốn. Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các công trình nghiên cứu đi trước, chúng tôi hi vọng đề tài nghiên

cứu sẽ đóng góp bước đầu cho việc nghiên cứu vai trò phụ nữ Khmer không chỉ trong bảo tồn tiếng mẹ đẻ mà còn nhiều lĩnh vực khác, đặc biệt đối với bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp điền dã dân tộc học: Đề tài thiết kế hệ thống câu hỏi theo thang đo likert để đạt được thông tin khách quan về việc chọn ngôn ngữ giao tiếp, thái độ của các cá nhân sử dụng tiếng mẹ đẻ, khó khăn (nếu có) khi sử dụng tiếng mẹ đẻ, lợi ích và hoạt động bảo tồn, phát triển tiếng mẹ đẻ; đồng thời thực hiện quan sát có tham dự thu thập những thông tin thực tế về việc sử dụng ngôn ngữ dân tộc – tiếng mẹ đẻ của người Khmer trong gia đình và cộng đồng. Các địa bàn được chọn mẫu khảo sát tại thành phố Trà Vinh. Thành phố Trà Vinh là trung tâm hành chính, chính trị kinh tế văn hóa xã hội và an ninh quốc phòng của tỉnh Trà Vinh gồm chín phường và xã Long Đức, trong đó dân tộc Khmer là 21.879 người chiếm 20,64% sống tập trung ở các phường 1, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và xã Long Đức [9]. Đời sống chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, làm nghề thủ công truyền thống, một bộ phận làm dịch vụ, mua bán nhỏ và làm công nhân trong các công ty xí nghiệp tại khu công nghiệp Long Đức. Nhóm nghiên cứu chọn xã Long Đức, phường 1, phường 7, phường 8, phường 9 làm địa bàn nghiên cứu. Đây là những khu vực tiếp nhận và ảnh hưởng lối sống đô thị, giao thoa văn hóa mạnh mẽ, tập trung nhiều đồng bào dân tộc Khmer. Đồng thời, xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là khu vực vùng ven trung tâm thành phố Trà Vinh cũng được chọn để đối chiếu sự khác biệt trong sử dụng tiếng mẹ đẻ với trung tâm thành phố.

Phương pháp phỏng vấn sâu: để thu thập nguồn tài liệu thông tin định tính bổ sung, khắc phục những hạn chế trong phân tích đánh giá của nguồn số liệu, thông tin định lượng có được từ kết quả điều tra 143 hộ gia đình. Mẫu phỏng vấn sâu được chọn 10% trong tổng số mẫu điều tra hộ gia đình.

III. THỰC TRẠNG SỬ DỤNG TIẾNG MẸ ĐỂ CỦA PHỤ NỮ KHMER TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

Trà Vinh là một trong những tỉnh ở Nam Bộ có tỉ lệ người Khmer sinh sống đông, chiếm 31% dân số toàn tỉnh. Riêng tại Thành phố Trà Vinh, người Khmer chiếm 20,64% [9]. Là một trong những cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam, dân tộc Khmer tại Thành phố Trà Vinh đã có nhiều hoạt động thiết thực nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc. Bên cạnh các hoạt động văn hóa thường niên, người Khmer còn tích cực khuyến khích động viên con em tham gia học chữ viết của dân tộc ở các điểm chùa vào dịp hè; tham gia học lớp song ngữ Khmer - Việt cho học sinh Khmer ở bậc tiểu học. Tuy nhiên, chương trình học song ngữ chỉ dừng lại ở bậc tiểu học và trung học cơ sở với tổng thời lượng là 980 tiết [10]. Bên cạnh việc học tiếng Khmer, các em còn được học thêm tiếng Anh. Việc học lần lượt ba ngôn ngữ (Việt, Khmer, Anh) khiến các em có cơ hội so sánh tính thông dụng, khả năng ứng dụng của ngôn ngữ trong học tập và nghề nghiệp. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ của các em trong giao tiếp, nhất là trong các gia đình. Do thiếu vốn từ vựng, thiếu môi trường giao tiếp nên khả năng diễn đạt của các em còn hạn chế, các em không thể sử dụng hoàn toàn tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp. Vì vậy, việc lựa chọn tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp giữa các thế hệ người Khmer cũng ngày càng giảm. Nếu đối với thế hệ các bậc cha mẹ, việc giao tiếp hoàn toàn bằng tiếng Khmer là 100% thì với thế hệ con cái chỉ còn khoảng 95% [11]. Hiện nay, tỉ lệ này đang ngày càng có xu hướng giảm dần.

Kết quả phỏng vấn 10 gia đình dân tộc Khmer tại trung tâm Thành phố Trà Vinh (sáu gia đình làm nghề buôn bán và bốn gia đình làm viên chức nhà nước) cho thấy hơn 50% trẻ em có độ tuổi từ 6 đến 15 tuổi thuộc gia đình Khmer có cha mẹ làm nghề buôn bán sử dụng tiếng Việt xen lẫn tiếng Khmer trong quá trình giao tiếp. Số còn lại không nói được tiếng Khmer. Lí do chủ yếu là do

các em không có điều kiện tiếp xúc với tiếng Khmer từ nhỏ nếu có cha mẹ đều là viên chức nhà nước. Một lí do khác là yếu tố tâm lí của cha mẹ các em. Do họ lo sợ con em mình khó hòa nhập với lớp học nên họ đã chủ động dạy tiếng Việt cho con nhiều hơn, không dạy hoặc ít nói tiếng Khmer với con. Vì vậy, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức của người lớn trong gia đình. Môi trường gia đình đóng vai trò chủ đạo trong việc truyền dạy tiếng mẹ đẻ.

Vậy trong cộng đồng người Khmer Nam Bộ, ai là người đóng vai trò chính trong việc truyền dạy tiếng mẹ đẻ cho con? Trong truyền thống xã hội người Khmer, nếu người cha là trụ cột về kinh tế trong gia đình thì người phụ nữ lại có vai trò quan trọng trong việc giáo dục con cái. Kết quả khảo sát cho thấy có đến 36% việc học của con cái trong gia đình là do người phụ nữ quyết định; 24% do cả vợ và chồng quyết định, 10,7% do người chồng quyết định và 29,3% do cả gia đình cùng đưa ra quyết định. Kết quả này cũng cho thấy sự bình đẳng của phụ nữ Khmer so với đàn ông trong gia đình. Người phụ nữ vẫn là người có sức ảnh hưởng lớn nhất đối với con, cháu trong gia đình. Trong đời sống của đồng bào Khmer, nữ giới và nam giới đều có vai trò ngang nhau trong việc tiếp cận các nguồn lực như tài sản, đất đai, mua sắm tài sản, đóng góp kinh tế. Khảo sát tại các phường ở trung tâm Thành phố Trà Vinh cho thấy ba công việc phổ biến của phụ nữ Khmer tại khu vực này gồm nội trợ, buôn bán và một số ngành nghề khác như làm thuê, làm ruộng, công nhân xí nghiệp. Tỉ lệ phụ nữ tham gia buôn bán, các công việc khác có phần tăng so với công việc chính là nội trợ. Họ đều tích cực tham gia xây dựng kinh tế của gia đình. Khu vực Phường 7, 8 và 9 có xu hướng tăng so với Phường 1. Yếu tố nội trợ giảm dần ở sáu khu vực cho thấy người phụ nữ dần ngang tầm với nam giới trong đóng góp kinh tế. Đây là bước tiến của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Việc tham gia buôn bán, công việc khác góp phần xây dựng kinh tế gia đình ngày một bền vững hơn. Khảo sát ở các phường cho thấy có hơn 80% gia đình có chồng chỉ tập trung về kinh tế, tham gia

quyết định việc học của con cái trong gia đình chỉ chiếm 10,7% trong tổng số phụ nữ được phỏng vấn. Việc học hành cũng là yếu tố quan trọng định hướng cho con em Khmer trong nghề nghiệp, nâng cao ý thức giá trị văn hóa dân tộc.

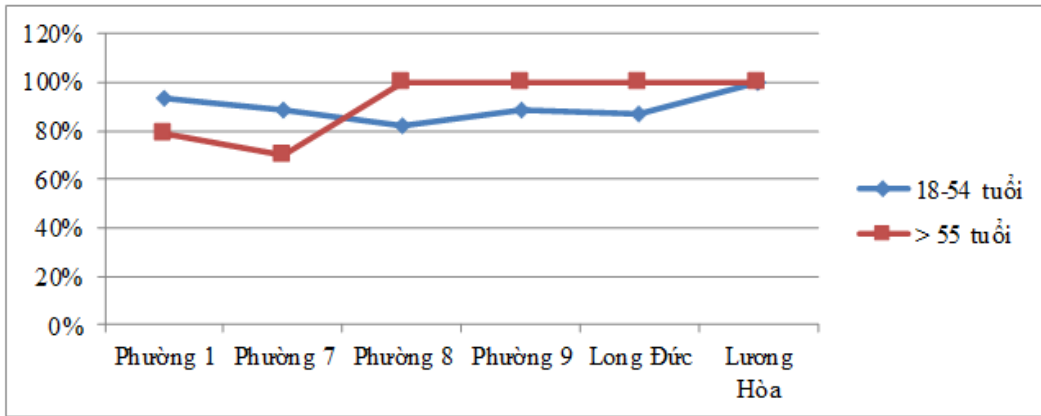
Vai trò của người phụ nữ trong việc ra quyết định trong gia đình cho thấy địa vị của người phụ nữ Khmer ngày càng được nâng cao và có ý nghĩa trong xây dựng gia đình. Tuy nhiên, yếu tố nghề nghiệp có ảnh hưởng như thế nào đến việc dạy tiếng mẹ đẻ cho con? Thành phố Trà Vinh là trung tâm hành chính của tỉnh, là nơi cộng cư của năm dân tộc: Kinh, Khmer, Hoa, Ấn, Chăm. Vì vậy, sự giao thoa văn hóa trong quá trình tiếp xúc là tất yếu. Quá trình giao thoa tiếp xúc giữa các cộng đồng dân tộc ảnh hưởng đến việc sử dụng ngôn ngữ của dân tộc Khmer tại Thành phố, nhất là nghề nghiệp của phụ nữ Khmer. Do phải bước ra ngoài làm việc nên việc học thêm một ngôn ngữ là rất cần thiết cho sự trao đổi thông tin cũng như dễ thành công trong công việc nên phụ nữ Khmer thạo tiếng Việt là tất yếu. Những phụ nữ Khmer làm nội trợ có xu hướng giảm và chủ yếu tập trung ở độ tuổi 55 trở lên. Tỷ lệ công việc khác có phần tăng lên nhiều ở khu vực Phường 8, Phường 9, phổ biến ở độ tuổi 18-50.

Mức độ thành thạo tiếng Khmer trong giao tiếp ở tuổi 18-54 có phần thấp hơn so với nhóm tuổi từ 55 trở lên. Kết quả khảo sát cũng cho thấy đa số phụ nữ Khmer sử dụng được hai ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp là Việt và Khmer. Ở phường 1, phường 7 và xã Long Đức, thành phố Trà Vinh; xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, khả năng phụ nữ Khmer sử dụng cả hai ngôn ngữ đều tốt hơn so với phường 8 và phường 9. Do phường 1 và phường 7 ở trung tâm của thành phố Trà Vinh và các hộ gia đình dân tộc Khmer sống đan xen với các gia đình người Kinh, Hoa nên việc sử dụng thành thạo tiếng Việt trong giao tiếp là cần thiết và hiển nhiên. Ở phường 1, phường 7, trung bình cứ 10 gia đình người Kinh chỉ có một hoặc hai gia đình Khmer sinh sống. Long Đức và Lương Hòa tuy là hai xã vùng ven trung tâm nhưng không cách xa trung tâm nhiều. Phụ nữ ở xã

Lương Hòa phần đông làm nghề buôn bán. Hằng ngày, do họ tiếp xúc với khách hàng, cả người Khmer lẫn người Kinh nên nói được cả hai thứ tiếng. Riêng xã Long Đức, do gần khu công nghiệp Long Đức, môi trường nghề nghiệp buôn bán và làm dịch vụ nên phụ nữ có thể giao tiếp thành thạo hai thứ tiếng. Việc giao tiếp được hai thứ tiếng đều có được ở hai nhóm tuổi: 18-50 và 50 tuổi trở lên. Ở khu vực phường 8, phường 9, một số phụ nữ chỉ nói được duy nhất tiếng Khmer, không thành thạo tiếng Việt, họ chỉ hiểu và giao tiếp được những việc cơ bản như chào hỏi, trao đổi mua bán. Việc trao đổi trực tiếp sâu hơn về chủ đề việc làm, văn hóa, học tập rất khó khăn. Bản thân cán bộ phỏng vấn phải phỏng vấn bằng tiếng Khmer. Một phần quan trọng nữa là hai phường đều là vùng ven trung tâm, sống đan xen với các dân tộc khác chưa nhiều, một xóm có đến 5 đến 10 hộ gia đình Khmer sống gần nhau, chỉ có một hoặc hai hộ gia đình người Kinh hoặc không có hộ nào. Việc giao tiếp duy nhất tiếng mẹ đẻ chỉ xảy ra ở số ít người trẻ, thế hệ lớn tuổi hơn 50 chiếm tỉ lệ cao hơn đến 60% ở phường 9.

Bảng 1: Khả năng sử dụng các ngôn ngữ của phụ nữ Khmer

Địa điểm	Độ tuổi	Một ngôn ngữ	Hai ngôn ngữ
		(1)	(2)
Phường 1	18-50t		100
	> 50t		100
Phường 7	18-50t		100
	> 50t		100
Phường 8	18-50t	5,9	94,1
	> 50t	16,7	77
Phường 9	18-50t	22,2	77,8
	> 50t	60	40
Xã Long Đức	18-50t		100
	> 50t		100
Lương Hòa	18-50t		100
	> 50t		100



Hình 1: Khả năng giao tiếp thành thạo tiếng mẹ đẻ của phụ nữ Khmer theo lứa tuổi

Việc giao tiếp tiếng mẹ đẻ trong môi trường của cộng đồng trở nên hoàn hảo hơn, chủ thể giao tiếp tự nhiên theo bản năng vì bản thân thuộc về cộng đồng đó, yếu tố ngữ pháp không được chú ý nhiều. Phụ nữ Khmer lớn tuổi tại phường 9 sống trong khu vực tập trung hoàn toàn dân tộc Khmer, môi trường giao tiếp khép kín, vì lí do tuổi tác họ không có cơ hội tiếp xúc với ngoài cộng đồng. Họ là những người bà trong gia đình. Ở tuổi họ, trong cộng đồng dân tộc Khmer, ngoài việc hỗ trợ các con trông nom nhà cửa, trông cháu, họ còn tham gia tu thiền giữ giới theo phong tục của dân tộc. Trong cộng đồng, gia đình, họ rất được coi trọng vì là tấm gương cho con cháu noi theo với phương châm làm điều thiện để nhận quả tốt ở hiện tại và vị lai. Điều họ tiếp thu ở tuổi này là kinh kệ tiếng Pali. Bản thân họ có vốn tiếng Khmer khá phong phú vì vậy việc giao tiếp tiếng mẹ đẻ không có gì là khó khăn. Do phần lớn họ sinh ra trong những thập niên 30, 40 của thế kỉ XX nên quá trình giao thoa ngôn ngữ cũng như tiến trình hiện đại hóa chưa xảy ra mạnh mẽ như hiện nay. Quá trình giao thoa ngôn ngữ chủ yếu xảy ra trong hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa là chủ yếu. Phụ nữ Khmer ở thời gian này cũng chưa tham gia nhiều vào các hoạt động xã hội, nghề nghiệp chủ yếu vẫn là nông nghiệp. Người chồng và người vợ đều tham gia vào quá trình xây dựng kinh tế, người phụ nữ vẫn đóng khung trong hình mẫu rất chung là bên cạnh kinh tế, họ còn chăm

lo vun vén cho gia đình, chăm sóc người thân và dạy bảo con cái. Cũng ở thời điểm này, nền kinh tế Việt Nam nói chung có nhiều bước cải cách và thay đổi.

Gia đình dân tộc Khmer chủ yếu chưa có nhiều thay đổi về hoạt động sản xuất kinh tế. Nên vấn đề sử dụng tiếng mẹ đẻ ở thế hệ này là thuần nhất. Từ năm 1980 trở về sau, thời điểm đất nước có bước chuyển mình mạnh mẽ sang thời kì mở cửa hội nhập quốc tế, đời sống của người dân nói chung có nhiều thay đổi, riêng cộng đồng dân tộc Khmer cũng có nhiều bước phát triển về kinh tế và đời sống. Cuộc sống không chỉ gói gọn trong phum sroc, nay việc sản xuất buôn bán có sự giao lưu đòi hỏi bản thân cộng đồng các dân tộc, dân tộc Khmer có sự học hỏi ngôn ngữ để thích nghi dễ dàng cho cuộc sống như việc làm, buôn bán... hay đơn giản là trao đổi thông tin giao tiếp với xóm giềng. Và người phụ nữ càng lớn tuổi thì vốn từ vựng và giao tiếp tiếng mẹ đẻ nhiều hơn so với thế hệ sau. Phỏng vấn phụ nữ Khmer ở các phường khi được hỏi “Ngôn ngữ đầu tiên bà/chị chọn dạy con, cháu là gì?”, kết quả như sau:

Bảng 2 cho ta thấy đại đa số phụ nữ Khmer chọn tiếng Khmer là ngôn ngữ đầu tiên dạy cho con. Một số ít phụ nữ Khmer dạy tiếng Việt cho con, tỉ lệ cao nhất là Phường 7, ở thế hệ thứ 1 lớn hơn 50. Nguyên nhân chủ yếu là môi trường sinh sống xung quanh, nghề nghiệp ảnh hưởng đến quyết định chọn ngôn ngữ dạy cho con. Điều này dẫn đến mức độ

Bảng 2: Phụ nữ Khmer chọn dạy ngôn ngữ cho con

Địa điểm	Độ tuổi	Mức độ %		
		Tiếng Khmer (1)	Tiếng Việt (2)	Khác (3)
Phường 1	18-50t	83,3	16,7	
	> 50t	85,7	7,1	7,1
Phường 7	18-50t	88,9	11,1	
	> 50t	60	40	
Phường 8	18-50t	100		
	> 50t	100		
Phường 9	18-50t	77,8	5,6	16,7
	> 50t	90	10	
Xã Long Đức	18-50t	86,7	13,3	
	> 50t	93,3	6,7	
Lương Hòa	18-50t	100		
	> 50t	100		

giao tiếp bằng tiếng Khmer qua các thế hệ trong gia đình.

Việc chọn ngôn ngữ đầu tiên dạy cho con là khởi đầu quan trọng cho nền tảng ngôn ngữ cho con sau này. Thông qua bảng khảo sát, chúng ta nhận thấy sự ảnh hưởng của ngôn ngữ đầu tiên. Nếu phụ nữ Khmer chọn tiếng mẹ đẻ dạy cho con thì các thế hệ tiếp theo sẽ giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ. Việc giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ giảm dần ở các thế hệ thứ 3 và thứ 4. Nguyên nhân là do việc duy trì giao tiếp không thường xuyên. Điều này phụ thuộc vào ý thức, vốn tiếng mẹ đẻ của cá nhân thành viên trong gia đình. Từ vựng, cách nói, chủ đề mà cá nhân hướng tới để giao tiếp và nhận thấy rằng mối quan hệ này cần giao tiếp bằng ngôn ngữ nào, tiếng mẹ đẻ hay tiếng Việt. Một yếu tố nữa là nhu cầu học tập, làm việc khiến cho thế hệ sau (thế hệ thứ 3, 4) chọn tiếng Việt là ngôn ngữ giao tiếp thường xuyên hơn tiếng Khmer. Tỷ lệ giảm cao ở xã Long Đức và Lương Hòa, với 20% ý kiến. Ở thế hệ này, từ ngữ giao tiếp có sự pha trộn giữa tiếng Việt và tiếng

Khmer. (Bảng 3)

Kết quả khảo sát ở Bảng 4. cho thấy thực tế sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp trở nên phổ biến ở hầu hết các phường. Sự thay đổi trong chọn lựa ngôn ngữ ảnh hưởng đến việc duy trì bảo tồn tiếng mẹ đẻ cho các thế hệ mai sau. Vị trí của người phụ nữ Khmer cần được nâng cao trong đời sống gia đình và trong sinh hoạt cộng đồng. Vậy mong muốn của người phụ nữ Khmer là gì?

Thứ nhất, họ mong muốn được học tập chữ Khmer. Vốn từ rất quan trọng giúp chúng ta diễn đạt trọn vẹn ý mà bản thân muốn truyền tải đến người nghe. Cuộc nói chuyện sẽ không trọn vẹn nếu thiếu từ và cần phải “vay mượn từ tiếng Pali hoặc Sanskrit hoặc những từ ngữ dịch từ các thuật ngữ mới của tiếng Việt phổ thông” [5]. Đa số phụ nữ Khmer trong phạm vi nghiên cứu chỉ hoàn thành bậc học ở cấp tiểu học, số chị em hoàn tất bậc học trung học phổ thông và đại học là 2,3% trong tổng số phụ nữ tham gia phỏng vấn. Khi được hỏi “Các chị có học chữ Khmer không?”, nhóm nghiên cứu nhận được câu trả lời phổ biến là “hồi nhỏ học ở chùa, đã quá lâu nên không nhớ hết những gì đã học; hoặc “do hoàn cảnh khó khăn nên không được đi học” hoặc “nhà ở xa chùa nên không đi học được”. Điều này cũng phù hợp với nghiên cứu của Thạch Thị Dân, tỉ lệ người Khmer biết viết, đọc tiếng Khmer rất thấp, đặc biệt là nữ giới [12]. Nếu bản thân phụ nữ Khmer được học chữ thì việc hướng con mình đi học và giao tiếp hằng ngày trong gia đình sẽ giúp việc duy trì tiếng mẹ đẻ tốt hơn.

Thứ hai, họ mong muốn được cung cấp thông tin từ sách, báo bằng tiếng Khmer đến gia đình để họ vận dụng chữ viết được học ở chùa, ở trường. Học thì phải thực hành là câu châm ngôn quen thuộc nhưng chưa được áp dụng đúng và thường xuyên. Tỷ lệ biết đọc và viết chữ Khmer của các thành viên trong gia đình phụ nữ Khmer được phỏng vấn rất thấp. Cứ 10 gia đình thì chỉ có 1 đến 2 gia đình có người biết đọc, viết chữ Khmer. Kết quả này là do gia đình có con đi tu tại chùa nên có điều kiện học chữ Khmer. Bản thân phụ nữ Khmer cũng rất ít người biết chữ. Nếu có thì cũng đang ở tuổi là bà trong gia đình.

Bảng 3: Mức độ giao tiếp bằng tiếng Khmer qua các thế hệ

Địa điểm	Độ tuổi	Mức độ %			
		Duy trì tốt qua các thế hệ (1)	Duy trì nhưng không thường xuyên (2)	Giảm ở thế hệ thứ 3 (3)	Giảm ở thế hệ thứ 3, thứ 4 (4)
Phường 1	18-50t	83,3		16,7	
	> 50t	71,4		28,6	
Phường 7	18-50t	72,2	5,6	11,1	11,1
	> 50t	60	10	10	20
Phường 8	18-50t	88,2		11,8	
	> 50t	91,7		8,3	
Phường 9	18-50t	88,9	11,1		
	> 50t	90		10	
Xã Long Đức	18-50t	53,3	26,7	20	
	> 50t	80		13,3	6,7
Lương Hòa	18-50t	70	10	20	
	> 50t	80	10	10	

Bảng 4: Mức độ sử dụng song ngữ trong giao tiếp của các thành viên trong gia đình

Địa điểm	Độ tuổi	Mức độ sử dụng song ngữ trong giao tiếp (%)				
		Rất thường xuyên (1)	Thường xuyên (2)	Thỉnh thoảng (3)	Hiếm khi (4)	Không có (5)
Phường 1	18-50t	50	16,7	33,3		
	> 50t	50	43	7,1		
Phường 7	18-50t	33,3	33,3	16,7	11,1	5,6
	> 50t	10	30	30	10	20
Phường 8	18-50t	47,1	11,8	5,9	17,6	17,6
	> 50t	16,7	8,3	16,7		58,3
Phường 9	18-50t	38,9	38,9	16,7		5,6
	> 50t	10	10	40	20	20
Xã Long Đức	18-50t	20	46,7	26,7	6,7	
	> 50t	13,3	20	60	6,7	
Lương Hòa	18-50t	50	16,7	33,3		
	> 50t	50	43	7,1		

Thuở còn thanh niên, họ đã được đến chùa học chữ, khi lớn tuổi thì đi chùa, thọ giới, tu thiền học kinh. So với nữ giới Khmer, nam giới được tạo điều kiện học chữ nhiều hơn. Khi được phỏng vấn “Bà/chị khuyến khích các thành viên trong gia đình nói/học tiếng Khmer bằng cách nào?”, kết quả là 93,8% cho con, cháu trò chuyện hằng ngày, 77,8% là đi chùa tham gia hoạt động lễ hội, 66,7% cho con cháu xem, nghe chương trình tiếng Khmer trên truyền hình, nghe radio, đọc báo. Nhưng hiện tại, các phường chưa đẩy mạnh sách báo tiếng Khmer về địa phương. Đây là hoạt động phổ biến và quen thuộc được phụ nữ Khmer chọn cho con cháu mình. Mục đích của hoạt động này nhằm để con em mình có kiến thức về văn hóa của dân tộc, hòa nhập gắn kết cộng đồng, bảo tồn phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc. Mong muốn của phụ nữ Khmer thật giản dị nhưng sâu sắc. Tuy nhiên, với vai trò, vị trí hiện tại, họ có quá nhiều việc phải làm trong một gia đình. Họ cần sự sẻ chia, hỗ trợ từ các thành viên trong gia đình, cộng đồng, tạo điều kiện cho phụ nữ hoàn thiện bản thân.

Thứ ba, họ mong nhận được sự đồng lòng của nam giới trong gia đình. Nam giới là người cha, người con, cháu trong gia đình. Tất cả phải có ý thức về lòng tự hào dân tộc, tự hào về bản sắc văn hóa mà tổ tiên, các thế hệ đi trước đã xây dựng và đạt được. Tiếng nói hay tiếng mẹ đẻ là một trong số những nét đẹp, tài sản của một tộc người. Bản thân vừa vận dụng được tài sản vốn có của dân tộc vừa sử dụng tốt một hay nhiều ngôn ngữ khác là một lợi thế. Trong thời kỳ hội nhập quốc tế, ngôn ngữ không chỉ giúp duy trì sự gắn kết một cộng đồng dân tộc này với một cộng đồng dân tộc khác mà còn là chìa khóa giúp bản thân vươn tới những thành công nhất định trong công việc, truyền tải quảng bá nét đẹp văn hóa của dân tộc.

Qua kết quả khảo sát, chúng tôi rút ra kết luận về các yếu tố tác động đến năng lực ngôn ngữ của phụ nữ Khmer như sau:

Môi trường gia đình là yếu tố đầu tiên làm nền tảng ngôn ngữ cho người phụ nữ Khmer nói riêng và thế hệ trong gia đình Khmer nói chung. Nếu gia đình có truyền thống sử

dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp thì thế hệ con cháu sẽ nói được và giao tiếp được bằng tiếng mẹ đẻ. Phụ nữ lớn tuổi có vốn tiếng Khmer tốt hơn những phụ nữ thế hệ sau.

Môi trường nghề nghiệp làm tăng khả năng sử dụng thêm một ngôn ngữ khác, nhất là người phụ nữ có khả năng học hỏi tiếp thu ngôn ngữ khá tốt. Phụ nữ Khmer chăm chỉ, nhạy bén trong tiếp thu cái mới nhằm đáp ứng nhu cầu bản thân. Nhờ giao tiếp tốt cả tiếng Việt lẫn tiếng Khmer mà trong nghề nghiệp họ có phần thuận lợi hơn do tiếp cận được hai lượng khách hàng Việt, Khmer, kể cả người Hoa, Chăm. Tuy nhiên, điều này cũng tạo nên sự chủ quan. Số liệu khảo sát cho thấy các gia đình có sử dụng song ngữ trong giao tiếp và việc này ngày càng phổ biến do sự chủ quan của chủ thể, không chỉ phụ nữ Khmer mà các thành viên. Bản thân phụ nữ Khmer nghĩ đây là bình thường nhưng lâu dần số lượng từ Khmer sẽ giảm và dần thay thế bằng từ tiếng Việt.

Khoảng cách địa lý ảnh hưởng đến việc giao tiếp tiếng mẹ đẻ. Càng gần trung tâm nơi có cuộc sống nhộn nhịp, việc sử dụng tiếng mẹ đẻ sẽ giảm dần. Bên cạnh đó, các phương tiện nghe nhìn như đài phát thanh, báo chí tiếng Khmer rất cần cho các gia đình Khmer. Vì vậy, chúng ta cần xây dựng nội dung phong phú hơn thu hút giới trẻ Khmer.

Phụ nữ Khmer cần nâng cao trình độ tiếng Khmer trong đọc viết tiếng Khmer để hướng dẫn cho con em trong việc học chữ dân tộc. Phụ nữ Khmer cần ý thức tầm quan trọng của tiếng mẹ đẻ dạy con cháu, nhắc nhở thành viên trong gia đình giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ để tiếng nói của dân tộc được duy trì và bảo tồn. Từ đó, việc giữ gìn văn hóa, phong tục tập quán của dân tộc sẽ duy trì ở các thế hệ tiếp theo.

IV. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO VAI TRÒ PHỤ NỮ KHMER TRONG BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY TIẾNG MẸ ĐẼ TẠI THANH PHỐ TRÀ VINH

A. Qua hát ru, kể chuyện

Văn học và âm nhạc dân gian Khmer có vai trò rất quan trọng trong đời sống sinh hoạt

của người Khmer Nam Bộ. Với nhiều thể loại khác nhau, họ khéo léo sử dụng chúng phục vụ trong các nghi lễ hay vui chơi giải trí, biểu diễn nghệ thuật trên sân khấu, sinh hoạt gia đình... Về hình thức diễn xướng, âm nhạc dân gian của người Khmer cũng rất đa dạng, phong phú. Có thể kể đến là hát cổ truyền với làn điệu *Nô khô reak, lôm từng, lôm thô, phak chhay, sôm phôn, sôridon*... Các làn điệu này còn được sử dụng trong biểu diễn sân khấu Dù kê; hát trong lễ cưới gồm các bài hát Mỏ rào, Buộc chỉ, Cắt hoa cau, Cắt tóc... Các bài thường gắn với mỗi nghi thức trong lễ cưới truyền thống của người Khmer. Đặc biệt, hình thức hát ru đã từng là một thể loại rất gần gũi và gắn bó trong đời sống của người Khmer trước đây. Những người mẹ, người bà thông qua lời hát ru mang đậm tính chất dân gian cùng với giá trị giáo dục cao đã truyền vào lòng những người con, người cháu bài học văn hóa, đạo đức vô cùng quý giá của dân tộc.

Riêng đối với văn học dân gian, người Khmer sử dụng lưu truyền thông qua chữ viết, truyền miệng. Người Khmer có cả một kho tàng văn học dân gian rất phong phú cả về thể loại lẫn đề tài, trong đó có những chuyện kể được họ sử dụng mang giá trị văn hóa và giáo dục cao. Những câu chuyện phản ánh tấm gương sáng trong cuộc sống xã hội Khmer; giải thích các hiện tượng tự nhiên, tên gọi của địa phương, động thực vật; chuyện kể nói về nguồn gốc của các ngày lễ truyền thống như Chol Chnam Thmay, Sel Dolta, Ok Om Bok... Điểm đặc biệt của những chuyện kể là có những tuyến nhân vật thiện và ác, tốt và xấu được phân biệt rõ rệt, phản ánh ý chí và nguyện vọng của nhân dân lao động, đồng thời phê phán những thói hư, tật xấu...; cách sử dụng câu từ mang đặc trưng văn hóa và phong cách, của người Khmer. Những cấu trúc ngữ pháp, câu từ gần gũi, bình dị tạo nên vẻ đẹp kì diệu trong ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ của người Khmer.

Thông qua việc hát ru hay kể chuyện, người phụ nữ Khmer không chỉ thể hiện vai trò của mình trong giáo dục, nuôi dạy con cái mà còn góp phần lưu truyền tiếng mẹ đẻ của mình. Từng câu từ trong lời hát, chuyện

kể được người mẹ, người bà sử dụng bằng chính tiếng mẹ đẻ của mình, mang những ý nghĩa vô cùng quý giá đã giúp cho các thế hệ con, cháu có được sự kế thừa, nhận thức sâu sắc về ngôn ngữ của dân tộc mình. Qua hát ru, kể chuyện, những người phụ nữ Khmer trước đây đã phát huy rất hiệu quả vai trò của mình trong việc bảo tồn tiếng mẹ đẻ. Tuy nhiên, hiện nay, sự phát triển của khoa học kĩ thuật ngày càng cao, vai trò này đã không còn phát huy hiệu quả và thật sự đang bị mai một. Những lời ru, tiếng kể chuyện không còn được nghe trong sinh hoạt của từng gia đình nữa mà chỉ còn xuất hiện trên một số đài truyền hình bằng tiếng Khmer với hình thức là biểu diễn nghệ thuật phục vụ vui chơi, giải trí. Theo kết quả ở địa bàn khảo sát, 100% các đối tượng điều tra khẳng định không còn sử dụng hình thức hát ru hay kể chuyện trong chăm sóc, nuôi dạy con, cháu nữa. Đồng thời, 100% ý kiến cũng cho rằng việc bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ là cần thiết, trong đó có 67.53% ý kiến cho rằng rất cần thiết. Như vậy các đối tượng phụ nữ Khmer đều thống nhất cao về sự cần thiết bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ. Ở đó, dù việc bảo tồn và phát huy thông qua hình thức hát ru, kể chuyện không còn phổ biến trong điều kiện hiện nay nhưng vẫn được những người phụ nữ Khmer trong gia đình bảo tồn và phát huy thông qua nhiều hình thức khác phù hợp hơn.

B. Qua việc tập nói và dạy học cho con, cháu

Trẻ sơ sinh bắt đầu học ngôn ngữ từ khi còn trong bụng mẹ. Tiếng nói của mẹ là một trong những âm thanh nổi bật nhất mà thai nhi nghe được. Điều này cho thấy, vai trò đặc biệt quan trọng của người mẹ trong việc bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ thông qua việc tập nói cho con. Sự lựa chọn ngôn ngữ nào để dạy trẻ là một trong những yếu tố rất quan trọng, nó ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ đến đứa trẻ trong quá trình tiếp thu và tập nói ngôn ngữ của mình. Từ đó, nó hình thành ý thức lựa chọn ngôn ngữ của một đứa trẻ khi lớn lên. Kết quả điều tra, khảo sát bằng phương pháp quan sát cho thấy khi giao

tiếp, những trẻ em người Khmer nói tiếng phổ thông (tiếng Việt), không biết nói tiếng mẹ đẻ thường khó hòa nhập hơn trong nhóm bạn bè là người Khmer cùng hàng xóm của mình. Đồng thời, ý thức về việc tham gia học tiếng mẹ đẻ cũng kém hơn so với trẻ em người Khmer khác biết nói tiếng mẹ đẻ. Điều này có thể ảnh hưởng đến việc giao tiếp trong các hoạt động cộng đồng, qua đó ảnh hưởng đến việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, trong đó có tiếng mẹ đẻ.

Mức độ sử dụng tiếng mẹ đẻ thường xuyên có sự giảm dần qua các thế hệ. Mặc dù vậy, tỉ lệ những đối tượng lựa chọn ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ của mình để dạy con, cháu vẫn khá cao, chiếm 89.31%, số còn lại lựa chọn tiếng Việt. Hầu hết các hộ gia đình thuộc địa bàn điều tra đều có các thành viên trong gia đình nói được tiếng Khmer, một số ít sử dụng tiếng Việt để giao tiếp, nhiều nhất là ở phường 7, tiếp đến lần lượt là ấp Sa Bình thuộc xã Long Đức và phường 1. Kết quả lựa chọn ngôn ngữ dạy con, cháu của các đối tượng được thể hiện qua Hình 2.

Như vậy, tiếng mẹ đẻ vẫn được phụ nữ Khmer lựa chọn để dạy con, qua đó thể hiện được vai trò của mình trong bảo tồn tiếng mẹ đẻ. Tuy trong quá trình cộng cư, làm ăn với một số dân tộc khác như Kinh, Hoa, phụ nữ Khmer sử dụng tiếng Việt là ngôn ngữ chính để giao tiếp nhưng trong gia đình họ vẫn có sự lựa chọn ngôn ngữ mẹ đẻ nuôi dạy con cháu. Đối với họ, việc dạy tiếng mẹ đẻ ngay từ thuở lọt lòng là việc dễ dàng bởi họ vốn đã sử dụng tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ giao tiếp hằng ngày trong gia đình. Nhằm giúp cho các thế hệ không bị quên lãng đi tiếng mẹ đẻ của mình, phụ nữ Khmer đã thường xuyên nuôi, dạy con, khuyến khích các thành viên gia đình tham gia học tập, trau dồi ngôn ngữ mẹ đẻ thông qua các hoạt động trong đời sống như trò chuyện hằng ngày; dẫn con, cháu đi chùa tham gia các hoạt động lễ hội và khuyến khích con cháu xem, nghe chương trình tiếng Khmer trên các kênh thông tin truyền thông. Bởi họ nhận thức được rằng lợi ích của việc giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ giúp cho bản thân cũng như con cháu trong gia đình hiểu biết

thêm về vốn văn hóa của dân tộc, đồng thời giúp các thành viên gia đình dễ hòa nhập hơn trong cộng đồng của dân tộc mình.

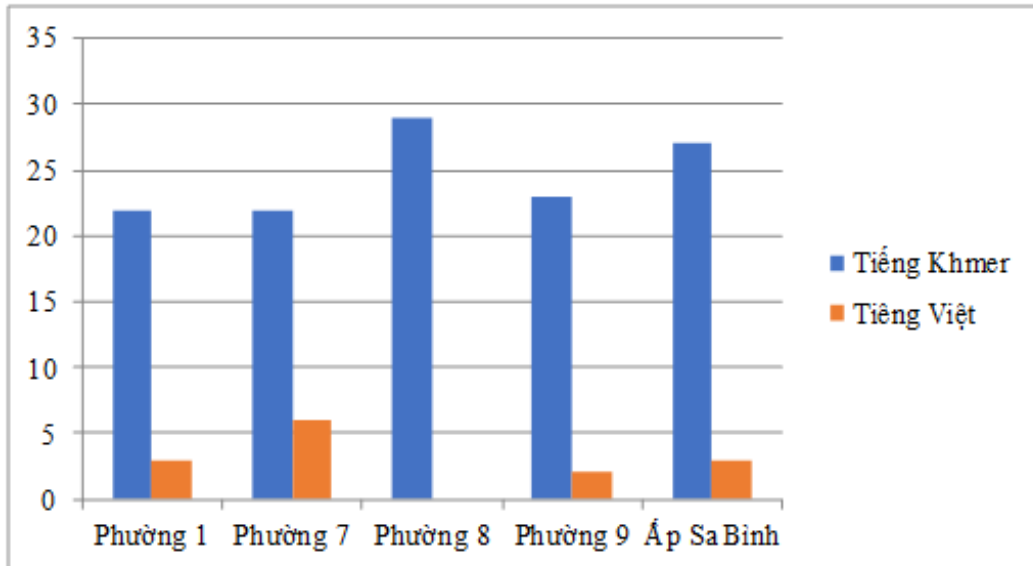
C. Tăng cường trách nhiệm, nhận thức của cộng đồng người Khmer

Cần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cộng đồng về vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc nói chung và về tiếng mẹ đẻ nói riêng. Đặc biệt, người phụ nữ Khmer với vai trò nuôi, dạy con, cháu là chính, là người trực tiếp giáo dục và có ảnh hưởng mọi mặt đến các thế hệ trong gia đình cần phải tự nâng cao nhận thức của mình về vai trò, trách nhiệm trên.

Chủ thể hưởng thụ các giá trị văn hóa dân tộc, trong đó có tiếng mẹ đẻ của người Khmer, phần lớn chính là cộng đồng người Khmer, đặc biệt là các thế hệ con, cháu. Vì thế, nếu bản thân họ không nhận thức, không có sự thụ hưởng tốt, không thấy được giá trị văn hóa quý giá này của chính cộng đồng mình thì giá trị về ngôn ngữ - tiếng mẹ đẻ, kể cả giá trị về văn hóa, kinh tế hay xã hội cũng sẽ dần mất đi. Do đó, để bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ của chính dân tộc mình, bản thân họ phải thật sự có nhận thức tốt.

Kết quả khảo sát cho thấy cộng đồng người Khmer nói chung và đối tượng người phụ nữ Khmer ở địa bàn điều tra nói riêng luôn có nhận thức, tương đối tốt đối với vấn đề bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ. Ở đó, phụ nữ đóng vai trò là người trực tiếp tham gia giáo dục, dạy dỗ con cháu nhiều hơn so với nam giới trong gia đình. Tuy nhiên, vấn đề hạn chế của những người phụ nữ Khmer ở đây nói chung về trình độ học vấn cũng như hiểu biết về vốn ngôn ngữ mẹ đẻ vẫn còn ở mức thấp hơn so với nam giới. Họ chỉ dừng lại ở biết nói, giao tiếp tiếng mẹ đẻ là chủ yếu, về vốn từ và số người biết viết tiếng mẹ đẻ của mình chiếm tỉ lệ rất kém. Vì thế, họ thật sự chưa phát huy một cách triệt để vai trò của mình trong giáo dục, dạy dỗ con, cháu cùng tham gia bảo tồn, phát huy tiếng mẹ đẻ thông qua giáo dục, giao tiếp, sử dụng tiếng mẹ đẻ của họ trong gia đình và cộng đồng.

Khắc phục vấn đề này, cần phải tăng cường nâng cao sự hiểu biết, trình độ của người phụ



Hình 2: Ngôn ngữ đầu tiên đối tượng điều tra lựa chọn để dạy con, cháu

nữ Khmer về vốn ngôn ngữ, chữ viết mẹ đẻ của mình. Để thực hiện giải pháp này, bản thân họ phải tự nỗ lực trau dồi trình độ về vốn ngôn ngữ, chữ viết tiếng mẹ đẻ của mình thông qua các hình thức tự học tại nhà hoặc tham gia các lớp học tại chùa, các cơ sở đào tạo,... Các thành viên trong gia đình, cũng như cộng đồng người Khmer cần phải luôn tạo điều kiện, phân công lao động theo giới trong gia đình hay sinh hoạt cộng đồng cho phù hợp nhằm giúp họ có nhiều thời gian hơn trong tham gia nâng cao trình độ tiếng mẹ đẻ. Đối với chính quyền địa phương, cần có những chính sách, cơ chế thích hợp, phù hợp với điều kiện địa phương nhằm khuyến khích, động viên họ tham gia học tập, trau dồi. Cụ thể, ở địa bàn ấp Sa Bình, do điểm chùa khá xa so với khu vực sinh sống của họ (thường người Khmer ở địa bàn này phải đi đến chùa Ông Mẹt, trung tâm thành phố Trà Vinh), do đó đây cũng là một rào cản khá lớn của cộng đồng người Khmer nói chung, phụ nữ Khmer nói riêng tham gia học tập tiếng mẹ đẻ hay thậm chí sinh hoạt tôn giáo tại chùa. Có nên chăng tại địa phương nên có một lớp học riêng giúp phụ nữ Khmer vừa an tâm tham gia chăm lo đời sống gia đình vừa có thể tham gia học tập và khuyến khích con cháu tham gia học tập tiếng mẹ đẻ tại

nơi cư trú.

D. Đối với các cấp đơn vị quản lý ở địa phương

Tiếp tục rà soát và quán triệt sâu sắc các quan điểm, chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả chính sách, Nghị quyết,... của Đảng và Nhà nước về công tác bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ.

Tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt để phụ nữ Khmer ở địa phương mình phát huy hiệu quả vai trò của bản thân trong tham gia công tác bảo tồn, phát huy tiếng mẹ đẻ. Đồng thời xây dựng, đào tạo lực lượng cán bộ nữ Khmer ngày càng khỏe mạnh về thể lực và tinh thần, nâng cao trình độ chuyên môn, chính trị và nghiệp vụ nhằm giúp họ phát huy hiệu quả vai trò của mình trong tham gia giáo dục, dạy dỗ con cháu trong gia đình, kể cả vai trò bảo tồn, phát huy tiếng mẹ đẻ thông qua dạy con tập nói, giao tiếp tiếng mẹ đẻ trong gia đình, cộng đồng, tác động nhận thức sâu sắc đến thế hệ trẻ dân tộc mình về vấn đề trên.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong tập huấn, hội thảo, báo chí, truyền hình và các hoạt động khác về vấn đề chính sách dân tộc, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc; bình đẳng giới trong cộng đồng người Khmer.

Tiến hành sơ kết đánh giá kết quả triển khai theo định kì, tổ chức kiểm tra giám sát thực hiện các kế hoạch chiến lược, chương trình chính sách, nghị quyết, nghị định của Chính phủ về các vấn đề trên. Tổng kết thực tiễn để điều chỉnh, bổ sung và có biện pháp tốt hơn nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ của người Khmer, đặc biệt là chú trọng đến nâng cao vai trò của phụ nữ Khmer trong tham gia bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ dân tộc mình.

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu vai trò của phụ nữ Khmer trong bảo tồn và phát huy tiếng mẹ đẻ thông qua trường hợp thành phố Trà Vinh, chúng tôi nhận thấy: trong xu hướng giao lưu và hội nhập hiện nay, càng ngày càng ít người Khmer sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp, sinh hoạt hằng ngày. Vì vậy, người phụ nữ Khmer có vị trí quan trọng trong việc truyền dạy tiếng mẹ đẻ trong cộng đồng người Khmer. Cho đến nay, phụ nữ Khmer vẫn là người tham gia trực tiếp sinh hoạt gia đình, có tác động và ảnh hưởng nhiều đến việc lựa chọn ngôn ngữ trong giao tiếp, trong sinh hoạt của con, cháu và tham gia khá nhiều vị trí quan trọng trong các hoạt động xã hội và cộng đồng. Việc truyền dạy tiếng mẹ đẻ của người phụ nữ Khmer Nam Bộ được thực hiện qua nhiều hình thức khác nhau như hát ru, kể chuyện, tập nói cho con cháu, dạy con cháu học, hay qua các nghi lễ dân tộc. Việc truyền dạy tiếng mẹ đẻ của người phụ nữ Khmer Nam Bộ góp phần quan trọng trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Bá Thịnh. *Giáo trình Xã hội học về giới*. Hà Nội: Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội; 2014.
- [2] Trần Thị Xuân Lan. Phụ nữ nông thôn trong phát triển kinh tế cộng đồng. *Tạp chí Xã hội học*. 2013;3(123):44–50.
- [3] Dương Thị Minh. *Gia đình Việt Nam và vai trò người phụ nữ hiện nay [Luận án Tiến sĩ]*. Học viện Chính trị Quốc gia TP. HCM; 2003.
- [4] Hồ Xuân Mai. Vài nét về tiếng Khmer Nam Bộ (trường hợp ở tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh). *Tạp chí Khoa học Xã hội TP HCM*. 2012;12(172):43–54.
- [5] Nguyễn Thị Huệ. Tình hình sử dụng ngôn ngữ của người Khmer tại Trà Vinh. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh*. 2008;9:56–65.
- [6] Nguyễn Thị Huệ. Tóm tắt luận án tiến sĩ Tiếp xúc ngôn ngữ giữa tiếng Khmer với tiếng Việt (trường hợp tỉnh Trà Vinh). *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*. 2011;p. 34–42.
- [7] Hoàng Quốc. Tình hình sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của các dân tộc thiểu số tại đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*. 2015;1(231):60–68.
- [8] Nguyễn Công Đức, Đinh Lư Giang. Vài gợi ý về chính sách ngôn ngữ ở cộng đồng Khmer Nam Bộ. *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*. 2011;7(189):7–12.
- [9] Phòng Dân tộc, UBND thành phố Trà Vinh. *Tổng kết chính sách dân tộc trên địa bàn thành phố Trà Vinh giai đoạn 2011 – 2015*; 2015.
- [10] Tuệ Văn. *Dạy tiếng Khmer cho học sinh dân tộc Khmer*; 2015. Truy cập từ: <http://baochinhphu.vn/Chinh-sach-moi/Day-tieng-Khmer-cho-hoc-sinh-dan-toc-Khmer/199408.vgp> [Ngày truy cập: 25/9/2018].
- [11] Hồ Xuân Mai. Năng lực song ngữ của học sinh Khmer (Khảo sát ở tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh). *Tạp chí Khoa học Xã hội TP HCM*. 2013;2(174):59–66.
- [12] Thạch Thị Dân. Sự cần thiết của từ điển song ngữ Việt – Khmer, Khmer – Việt. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Trà Vinh*. 2017;25:35–39.